

Số: /BGDDĐT-GDMN

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
giáo dục mầm non năm học 2023-2024

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Phụ nữ Quân đội.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Bộ Giáo dục Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các sở GDĐT triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, năng lực tự chủ, thực hiện tốt dân chủ cơ sở; tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng GDMN ở khu công nghiệp (KCN) và nhóm, lớp mầm non độc lập tư thực. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với công tác rà soát sắp xếp, quy hoạch; tăng cường các giải pháp huy động trẻ nhà trẻ và mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường, lớp mầm non; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (PCGDMNTNT).

3. Đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình đề đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em.

4. Đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN: về số lượng giáo viên, bố trí bảo đảm tối thiểu 02 GV/ lớp; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên mầm non (GVMN), bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.

5. Thực hiện Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

1.1. Triển khai kịp thời, hiệu quả các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN

- Thực hiện nghiêm túc các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo về GDMN. Thực hiện đúng quy định, hiệu quả các chính sách phát triển GDMN theo quy định¹. Khuyến khích các địa phương ban hành các chính sách đặc thù; tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN²; ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực các Chương trình³, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học, tài liệu học liệu nâng chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN mới; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, chuẩn bị các điều kiện hướng đến phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo (PCGDMNTEMG) ở những nơi có điều kiện; phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng quản lý nhà nước của các cấp để xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các kế hoạch, nhiệm vụ, đề án, chương trình để cụ thể hoá các chủ trương, định hướng phát triển GDMN theo từng năm và cho cả giai đoạn, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi với điều kiện, bối cảnh của địa phương để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ của năm học và giai đoạn.

1.2. Đổi mới công tác quản lý

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ, dân chủ, công khai gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công tác quản lý, tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN; tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, kịp thời về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN⁴.

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN

- Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục đối với cơ sở GDMN theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho GVMN.

¹ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

² Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.

³ Chính sách phát triển GDMN: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; Quyết định 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 phê duyệt Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”....

⁴ Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

- Tăng cường hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung theo quy định đối với cơ sở GDMN ngoài công lập, trong đó, chú trọng kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của các cơ sở GDMN độc lập trên địa bàn, có biện pháp kịp thời đối với các cơ sở GDMN chưa đảm bảo theo quy định.

2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

2.1. Tăng cường công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non; đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách về huy động nguồn lực của xã hội đầu tư cho GDMN theo quy định⁵. Quan tâm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tại địa phương để giải quyết các vấn đề về trường, lớp mầm non ở các địa bàn đông dân cư, KCN, khu chế xuất (KCX).

2.2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW, Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 và các quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho GDMN

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách đầu tư, xã hội hoá phát triển GDMN theo quy định của Chính phủ; khai thác hiệu quả nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030, ưu tiên đầu tư cho cấp học mầm non. Trong đó: tập trung đầu tư cho cơ sở GDMN công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã, huyện, thị trấn thuộc miền núi, biên giới, hải đảo.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành. Tiếp tục lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn, bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/nhóm, lớp; nâng cao tỉ lệ phòng học kiên cố, thay thế phòng học tạm/nhờ/mượn. Bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu để thực hiện Chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại.

2.4. Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDMN; tham mưu, có kế hoạch, phối hợp các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới và bảo đảm các tiêu chí duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT.

⁵ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025.

3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; chuẩn bị cho thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh thành phố

3.1. Các địa phương rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ (PCGD-XMC) các cấp; chỉ đạo Ban chỉ đạo PCGD-XMC các cấp thực hiện nghiêm túc Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT; thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định, công nhận đạt chuẩn PCGDMNTNT bảo đảm quy định.

3.2. Ban chỉ đạo PCGD-XMC các cấp căn cứ vào Kết luận số 51-KL/TW, Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” tham mưu cho ủy ban nhân dân các cấp kế hoạch huy động trẻ em mẫu giáo phù hợp với định hướng phát triển GDMN và điều kiện của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng PCGDMNTNT. Xây dựng kế hoạch thí điểm PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo tại các tỉnh, thành phố (theo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt). Các địa phương tiếp tục rà soát, bổ sung đủ đội ngũ và CSVC cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi để duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; có giải pháp cụ thể để hỗ trợ đối với các đơn vị cấp xã chưa đạt chuẩn PCGDMNTNT.

3.3. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kết quả thực hiện PCGD-XMC (trong đó có PCGDMNTNT) về Bộ GDĐT (qua Vụ GDMN) theo quy định; thực hiện tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu theo phần mềm PCGD-XMC bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác; tăng cường ứng dụng CNTT trong lưu trữ hồ sơ phổ cập.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

4.1. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 sẵn sàng chủ động, linh hoạt nếu xảy ra tình hình thiên tai, dịch bệnh.

- Thực hiện nghiêm túc quy định⁶ về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích và phòng, chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ, quan tâm giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra và xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức và cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

⁶ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Nghị định 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

4.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

4.2.1. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; phối hợp với ngành Y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong các cơ sở GDMN.

- Thực hiện nghiêm túc công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN⁷: phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong các cơ sở GDMN theo quy định; số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN; không thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và ATTP, kịp thời chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong công tác nuôi dưỡng cho trẻ tại các cơ sở GDMN.

- Đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì.

4.2.2. Đổi mới hoạt động giáo dục

- Tập trung các giải pháp thực hiện Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025” trong thực hiện Chủ đề.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở GDMN nâng cao năng lực phát triển Chương trình GDMN nhà trường trên cơ sở Chương trình do Bộ GDĐT ban hành nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em⁸; phát huy tính chủ động của cơ sở GDMN trong liên kết với các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân và gia đình của trẻ em để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định của pháp luật⁹.

⁷ Công văn số 423 /BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

⁸ Quy định tại Phần Bốn - Hướng dẫn thực hiện Chương trình trong Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành

⁹ Điều 6. Tổ chức hoạt động giáo dục tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện và phát triển Chương trình GDMN ở vùng đặc biệt khó khăn, đặc biệt quan tâm hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm, lớp học lập tự thực ở khu vực có KCN, KCX.

- Có giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục công bằng, hoà nhập, các cơ sở GDMN tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục hòa nhập có chất lượng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Nâng cao hơn nữa việc truyền thông về giáo dục trẻ khuyết tật, bảo đảm chính sách cho trẻ khuyết tật và cơ sở GDMN có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình phối hợp giữa nhà trường với gia đình, đoàn thể, tổ chức xã hội; tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp Một phổ thông. Tiếp tục triển khai Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cấp học GDMN giai đoạn 2020-2024; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong các cơ sở giáo dục mầm non gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trưởng xanh của Bộ GDĐT.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của đội ngũ CBQL, GVMN về tầm quan trọng, ý thức bảo vệ quyền của trẻ em; tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác và của trẻ em, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em trong các cơ sở GDMN¹⁰.

- Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số" (Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ), chú ý khai thác các yếu tố văn hoá, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển của trẻ.

- Quản lý, đảm bảo chất lượng triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành. Triển khai sơ kết 03 năm thực hiện Thông tư về việc thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDMN chuẩn bị triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GDĐT¹¹: tổ chức tập huấn hướng dẫn CBQL, GVMN các đơn vị triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới từ tháng 2/2024 theo Kế hoạch của Bộ GDĐT¹²; các cấp quản lý, các cơ sở GDMN chuẩn bị các điều kiện thực hiện thí điểm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

¹⁰ Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đưa nội dung giáo dục Quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Kế hoạch số 668/KH-BGDĐT ngày 25/5/2023 của Bộ GDĐT Triển khai nhiệm vụ Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về thực hiện nội dung giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non.

¹¹ Bộ GDĐT sẽ có kế hoạch, công văn hướng dẫn cụ thể đối với những tỉnh/TP, cơ sở GDMN thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

¹² Quyết định số 2076 /QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai các hoạt động xây dựng, ban hành Chương trình giáo dục mầm non mới, thay thế Quyết định số 4102/QĐ-BGDĐT ngày 07/12/2022.

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Triển khai thực hiện hiệu quả nội dung Kế hoạch số 446/KH-BGDĐT ngày 28/3/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN; quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên làm việc tại cơ sở GDMN ngoài công lập. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên người dân tộc thiểu số (DTTS), hỗ trợ giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng và mở rộng mô hình dạy tiếng DTTS cho giáo viên công tác tại các vùng có đồng bào DTTS.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Đề án “Đào tạo Bồi dưỡng nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ CBQL, GV theo quy định. Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo GVMN trong việc bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ GV, CBQL ở các cơ sở GDMN.

- Căn cứ các quy định hiện hành có các giải pháp phù hợp, kịp thời để bảo đảm đủ về số lượng, bố trí bảo đảm tối thiểu 02 giáo viên/lớp, bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình GDMN. Chủ động đổi mới phương pháp giáo dục trẻ em, linh hoạt thực hiện các hoạt động giáo dục, điều chỉnh phù hợp, đáp ứng được các nhu cầu, khả năng khác nhau của trẻ em và điều kiện thực tiễn của trường, lớp.

- Đổi mới hoạt động sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ về phát triển chương trình giáo dục của nhà trường, chia sẻ, hỗ trợ giữa CBQL-GV và giữa GV-GV trong xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lớp và văn hoá địa phương.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025¹³. Triển khai Đề án Chiến lược hợp tác quốc tế khi Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, thực hiện hiệu quả phối hợp với đoàn thể, tổ chức xã hội để hợp

¹³ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025.

tác, liên kết hỗ trợ công nghệ, kiến thức quản lý, chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV, áp dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam và từng địa phương để phát triển Chương trình đổi mới các cơ sở GDMN.

- Tăng cường công tác quản lý, rà soát, đánh giá, hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở GDMN thực hiện liên kết, hợp tác đầu tư với nước ngoài, thực hiện Chương trình tích hợp theo quy định¹⁴. Hướng dẫn các cơ sở GDMN nghiên cứu, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình trong cơ sở GDMN, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em giữa các cơ sở GDMN với các tổ chức quốc tế.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025”¹⁵, cụ thể:

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở GDMN, phương thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; khai thác hiệu quả môi trường số trở thành thiết yếu trong tổ chức các hoạt động giáo dục đổi mới cơ sở GDMN.

- Huy động các nguồn lực tham gia để tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở GDMN; đầu tư, xây dựng hạ tầng số (phòng học thông minh, phòng học kết nối, thiết bị số...) tạo điều kiện hỗ trợ GV trong việc tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, trang bị thiết bị số sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Phát triển kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung trong cấp học GDMN; tiếp tục hoàn thiện danh sách tài liệu, học liệu số phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, phát triển kỹ năng số cho đội ngũ CBQL, GV, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; nâng cao năng lực đội ngũ ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em, trong đó đặc biệt lưu ý công tác bồi dưỡng năng lực số hoá tài liệu, học liệu và nội dung giáo dục, khả năng chủ động tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn online của giáo viên; đổi mới hoạt động sinh

¹⁴ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

¹⁵ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ GDĐT.

hoạt chuyên môn về việc sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non

- Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, cơ sở GDMN, đặc biệt về Chương trình hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030; tăng cường truyền thông, tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN.

- Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN; đa dạng các kênh truyền thông, lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Truyền thông về việc đổi mới Chương trình GDMN, mục đích, nội dung của Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi để các tổ chức, cá nhân, cơ sở GDMN nhận thức đầy đủ, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN để nâng cao chất lượng GDMN của địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở nội dung hướng dẫn tại công văn này, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Sở GDĐT xây dựng kế hoạch, hướng dẫn chi tiết để tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024. Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định (*có phụ lục đính kèm Công văn này*). Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở GDĐT phản ánh về Bộ GDĐT (qua Vụ GDMN) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT (để p/h);
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Ngô Thị Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục 1****LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2023-2024***(Kèm theo công văn /BGDDT-GDMN ngày / /2023 của Bộ GDĐT)*

TT	Kỳ báo cáo	Thời gian nộp	Báo cáo cần nộp	Hình thức báo cáo
1	Báo cáo đầu năm học	Chậm nhất ngày 24/11/2023	<p>1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2022-2023 (theo đề cương gửi kèm).</p> <p>2. Biểu thống kê giáo dục mầm non kỳ đầu năm học (EMIS), thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT (Biểu 01-MN-ĐN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu).</p>	<p>Các đơn vị báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ GDMN) qua:</p> <p>1. Hệ thống hành chính điện tử (eoffice).</p> <p>2. Bản mềm qua thư điện tử: vugdmn@moet.gov.vn, hnhien@moet.gov.vn.</p>
2	Báo cáo tổng kết năm học	Chậm nhất ngày 20/6/2024	<p>1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo văn bản Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với GDMN.</p> <p>2. Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học (EMIS): thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT (Biểu mẫu số 01-MN-CN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu) và Biểu mẫu Excel kèm theo Công văn này (<i>Phụ lục 3</i>).</p>	

Phụ lục 2**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON
ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo công văn /BGDĐT-GDMN ngày / /2023 của Bộ GDĐT)

1. Các văn bản trọng tâm đã triển khai**2. Quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất***** Lưu ý:**

Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis đầu năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.

Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.

3. Kinh phí

Đơn vị báo cáo kết quả đầu tư về kinh phí để đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2023-2024.

4. Khó khăn, vướng mắc**5. Kiến nghị, đề xuất**

UBND TỈNH, TP
SỞ GD&ĐT

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2023-2024

(Mẫu thống kê số liệu kèm theo Công văn số /BGDDĐT-GDMN, ngày /8/2023 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2023-2024)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
I	Cơ sở giáo dục mầm non		
1.1	Trường	trường	0
	Nhà trẻ	trường	
	Trường mẫu giáo	trường	
	Trường mầm non	trường	
	Trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN)	trường	
	Trường đạt chuẩn quốc gia	trường	0
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	trường	
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	trường	
	Số trường đạt chuẩn quốc gia công nhận mới trong năm học 2023-2024	trường	
	Số trường hoàn thành công tác tự đánh giá trong năm học 2023-2024	trường	
	Số trường đăng ký đánh giá ngoài trong năm học 2023-2024	trường	
	Số trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục	trường	
	Số trường thực hiện Chương trình tích hợp	trường	
	Số trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	trường	
	Số trường được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	trường	
	Số trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) ở địa bàn (cấp huyện) có KCN	trường	
	Số trường dân lập, tư thục (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) ở địa bàn (cấp huyện) có KCN	trường	
	Tổng số điểm trường (bao gồm cả điểm chính và điểm lẻ)	điểm	
	Số điểm trường lẻ	điểm	
1.2	Cơ sở GDMN độc lập (nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập)		
	Tổng số	cơ sở	0
	Cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép	cơ sở	
	Cơ sở GDMN độc lập (đang hoạt động) chưa cấp phép	cơ sở	
	Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ	cơ sở	
	Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ	cơ sở	
	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	

	Lớp mầm non độc lập	cơ sở	
	Cơ sở GDMN độc lập có số tổng số trẻ vượt quá quy định	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập thực hiện Chương trình tích hợp	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn (cấp huyện) có KCN	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục được hỗ trợ cơ sở vật chất (Quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)	cơ sở	
II.	Tổng số nhóm, lớp	nhóm, lớp	0
	Tổng số nhóm, lớp công lập	nhóm, lớp	
2.1.	Tổng số nhóm, lớp trong trường	nhóm, lớp	0
	Nhóm trẻ	nhóm	
	Lớp mẫu giáo	lớp	
2.2.	Tổng số nhóm, lớp bên trong nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	nhóm, lớp	0
	Số nhóm trẻ	nhóm	
	Số Nhóm trẻ ghép	nhóm	
	Số lớp mẫu giáo	lớp	
	Số lớp mẫu giáo ghép	lớp	
	Số lớp mầm non ghép	lớp	
III.	Thống kê về trẻ em		
3.1	Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ đến cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm trường và cơ sở GDMN độc lập)	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ công lập	trẻ	
3.1.1	Trẻ em nhà trẻ trong nhà trường	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	

3.1.2	Trẻ em nhà trẻ trong cơ sở GDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.2	Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi		
	Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo công lập	trẻ	
3.2.1.	Trẻ em mẫu giáo trong trường	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.2.2.	Trẻ em mẫu giáo trong cơ sở GDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.3	Thống kê về trẻ em 5 - 6 tuổi		
	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi công lập	trẻ	
3.3.1	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong trường	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	
3.3.2	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong cơ sở GDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	

	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	
3.4	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	0
	Trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	0
3.4.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong trường	trẻ	
3.4.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập	trẻ	
3.5	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	0
	Trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	0
3.5.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong trường	trẻ	
3.5.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập	trẻ	
3.5.3	Trẻ em được hưởng chính sách		
	Trẻ em mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa (Quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)	trẻ	
	Trẻ em mầm non được hưởng chính sách trợ cấp đối với con công nhân KCN (Quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh)	trẻ	
IV.	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	0
	Tổng số cán bộ quản lý	người	
	Số cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Số cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	
	Tổng số giáo viên	người	0
	Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	0
	Số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	0

	Tổng số nhân viên	người	
	Tổng số cán bộ quản lý trong biên chế	người	
	Tổng số giáo viên trong biên chế	người	
	Tổng số cán bộ quản lý công lập	người	
	Tổng số giáo viên công lập	người	
	Tổng số nhân viên công lập	người	
	Tổng số giáo viên dân lập, tự thực được hưởng chính sách KCN (Quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh)	người	
4.1	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong trường	người	0
4.1.1	Cán bộ quản lý	người	0
a	Hiệu trưởng	người	0
	Hiệu trưởng nhà trẻ	người	
	Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	
b	Phó Hiệu trưởng	người	0
	Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	
	Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	
4.1.2	Giáo viên	người	0
a	Tổng số giáo viên nhà trẻ	người	
	Số giáo viên nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Số giáo viên nhà trẻ có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	
b	Giáo viên mẫu giáo	người	
	Số giáo viên mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Số giáo viên mẫu giáo có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	
4.1.3	Nhân viên	người	0
a	Nhân viên nhà trẻ	người	
b	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	
4.2	Tổng số nhân sự trong các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	người	0
4.2.1	Chủ cơ sở	người	0
a	Trung học phổ thông trở lên	người	
b	Dưới trung học phổ thông	người	
4.2.2	Quản lý chuyên môn	người	0
a	Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên	người	
b	Dưới cao đẳng sư phạm mầm non	người	
4.2.3	Giáo viên	người	0
a	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	
b	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	

c	Trung cấp sư phạm mầm non	người	
d	Dưới trung cấp	người	
4.2.4	Nhân viên	người	0
a	Có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
b	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
4.2.5	Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	người	0
a	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	
b	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	
c	Trung cấp sư phạm mầm non	người	
d	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non	người	
e	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
V.	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	phòng	0
	Phòng kiên cố	phòng	0
	Phòng bán kiên cố	phòng	0
	Phòng tạm	phòng	0
	Phòng nhờ, mượn	phòng	
	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín	phòng	0
	Tổng số phòng công lập (bao gồm phòng kiên cố, bán kiên cố, tạm)	phòng	
5.1	Phòng kiên cố trong trường	phòng	
	Phòng bán kiên cố trong trường	phòng	
	Phòng học tạm trong trường	phòng	
	Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín	phòng	
5.2	Phòng kiên cố trong CSGDMN độc lập	phòng	
	Phòng bán kiên cố trong CSGDMN độc lập	phòng	
	Phòng tạm trong CSGDMN độc lập	phòng	
	Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín	phòng	
5.3	Tổng số phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	phòng	0
	Tổng số phòng đa năng	phòng	
	Tổng số phòng giáo dục thể chất	phòng	
	Tổng số phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	
5.4	Khối phòng tổ chức ăn		0
	Tổng số nhà bếp	nhà bếp	
	Tổng số kho bếp	kho bếp	
5.5	Tổng số trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	trường	
	Tổng số điểm trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	điểm	
5.6	Tổng số trường có sân chơi	trường	

	Số trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	trường	
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	
	Số điểm trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	điểm	
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	
	Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định	trường	
	Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	nhóm, lớp	
VI.	Cơ sở vật chất trong CSGDMN độc lập		
6.1	Có vị trí đặt cơ sở theo quy định	cơ sở	
6.2	Có hạng mục công trình theo quy định	cơ sở	
6.3	Có phòng NDCSGD trẻ em theo quy định	cơ sở	
6.4	Có phòng vệ sinh cho trẻ em theo quy định	cơ sở	
6.5	Có chỗ chơi hoặc sân chơi cho trẻ em theo quy định	cơ sở	
6.6	Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định	cơ sở	
6.7	Có chắn song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định	cơ sở	
6.8	Có nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định	cơ sở	
6.9	Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định	cơ sở	
VII.	Tổng số đơn vị cấp xã	xã	
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNT5T	xã	
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNT5T	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện có KCN	huyện	

Lưu ý: Chỉ nhập số liệu vào ô trống, những ô đã có số "0" thì không nhập số (vì đã đặt hàm), không tự ý thêm bớt dòng, cột. Mọi vướng mắc trong thống kê số liệu, xin liên hệ qua số máy: 0912798999 (đồng chí Hoàng Ngọc Hiến).

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)